MỤC LỤC

PHẦN NGHI THỨC DẪN NHẬP

1.	Nguyện Hương	1
2.	Đảnh Lễ Tam Bảo	2
3.	Tán Hương	3
4.	Phát Nguyện Trì Kinh	3
5.	Tán Dương Giáo Pháp	4

PHẦN CHÁNH KINH

6.	Kinh Phổ Môn	5-16

PHẦN SÁM NGUYỆN VÀ HỒI HƯỚNG

7.	Kinh Tinh Hoa Trí Tuệ	17
8.	Niệm Bồ-tát	19
9.	Mười Hai Lời Nguyện	20
10a.	Năm Điều Quán Tưởng	23
10b.	Quán Chiếu Thực Tại	23
11a.	Sám Quy Nguyện	24
11b.	Sám Cầu An	27
11.	Hồi Hướng Công Đức	29
12.	Phục Nguyện	30
13.	Đảnh Lễ Ba Ngôi Báu	31

KINH PHỔ MÔN

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

KINH
PHỔ MÔN

Thích Nhật Từ
soạn dịch

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
– 2004 –

THAY LỜI TỰA

I. VÀI NÉT VỀ BẢN DỊCH

Tên gọi thông thường của bài kinh này là *Phẩm Phổ Môn, kinh Phổ Môn* hay *kinh Quán Thế Âm* và gọi đủ là *Quan Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm.* Đây là bài kinh nói về hạnh nguyện độ sanh của Bồ-tát Quan Thế Âm, và thông qua đó, giới thiệu cách "quán chiếu" cuộc đời để đạt được giác ngộ và giải thoát như phương pháp tu tập phổ biến và có hiệu quả trong cõi Ta-bà.

Nguyên tác của bản kinh được viết bằng tiếng Sanskrit. Có ba bản dịch chữ Hán: 1) Bản của ngài Trúc Pháp Hộ dịch mang tựa đề "Quan Thế Âm Bồ-tát" là phẩm thứ 23 trong *Chánh Pháp Hoa Kinh*, 2) Bản của ngài Cưu-ma-la-thập dịch mang tựa đề "Quan Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm", là phẩm thứ 25 trong *kinh Hoa Sen Chánh Pháp* (*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*), và 3) Bản của hai ngài Xà-na-quật-đa và Đạt-ma-cấp-đa dịch mang cùng tựa đề với bản Cưu-ma-la-thập, là phẩm thứ 24 trong *Thiêm Phẩm Pháp Hoa Kinh*. Trong ba bản Hán dịch, chỉ có bản thứ ba có đủ hai phần trường hàng (văn xuôi) và kệ trùng tụng (thi hoá phần văn xuôi). Kể từ khi bản dịch thứ ba ra đời, các ấn bản mới của ngài Cưu-ma-la-thập có bổ túc phần thi kệ của bản dịch thứ ba, như nội dung mà chúng ta sử dụng hiện nay. Trong bản dịch tiếng Việt, chúng tôi sử dụng bản chữ Hán của ngài Cưu-ma-la-thập và giữ nguyên phần trùng tụng. Là vì, có những điều được trình bày trong phần trùng tụng không có trong phần trường hàng và ngược lại.

II. CẤU TRÚC VÀ ỨNG DỤNG

Cũng như cách bố cục truyền thống, khoá lễ này gồm ba phần. *Phần thứ nhất* là nghi thức dẫn nhập, bao gồm 5 tiết mục như nguyện hương, đảnh lễ ba ngôi báu, tán hương, phát nguyện trì kinh và tán dương giáo pháp. *Phần thứ hai* là phần chánh kinh, giới thiệu về hạnh nguyện độ sanh của Bồ-tát Quan Thế Âm. *Phần thứ ba* là phần sám nguyện và hồi hướng, bắt đầu bằng bài kinh ngắn, tóm thâu tinh túy của kinh Đại Bát-nhã của Phật giáo Đại thừa: *Bát-nhã Tâm Kinh*. Mặc dù chỉ có 260 chữ, nhưng bài kinh này tập trung các pháp tu căn bản của Phật giáo đại thừa, giúp hành giả diệt trừ tất cả các khổ đau trong cuộc đời bằng phương pháp quán chiếu năm yếu tố hình thành nên con người là không có một thực thể hay ngã thể. Từ đó, với trí tuệ duyên khởi, hành giả thấu suốt mọi sự vật hiện tượng theo một cách thức tương tự. Kế đến là mười hai lời nguyện của Bồ-tát Quan Thế Âm, giúp cho người thọ trì hiểu rõ hơn về bản nguyện cứu thế độ sanh của vị Bồ-tát nổi tiếng về từ bi này. Các mục còn lại trong phần này là niệm Phật, đọc sám nguyện, hồi hướng công đức, phục nguyện và nương tựa ba ngôi báu.

Về phương diện ứng dụng, *kinh Phổ Môn* chủ yếu được tụng vào các dịp cầu an bệnh nhân, cầu tai qua nạn khỏi, cầu gia đạo bình an, cầu quốc thới dân an, cầu mưa hòa gió thuận, hay tụng vào những dịp khánh hỷ, lễ an vị Phật, lễ khai trương, lễ khởi công, lễ khánh thành, lễ tân gia, lễ sinh nhật, lễ đáo tuế, lễ cầu thọ, lễ chúc thọ v.v...

III. NỘI DUNG VÀ TRIẾT LÝ

Nội dung chính của Kinh bao gồm ba phần: a) thần lực trì danh Quan Âm, b) cứu thế độ sanh qua 33 ứng thân, c) phương pháp ngũ âm và ngũ quán.

Trước nhất, thần lực độ sanh nhiệm mầu của Bồ-tát Quan Thế Âm được giới thiệu theo mô-típ tương giao nhân quả giữa chúng sanh và Bồ-tát, trong một giao thoa "hữu cầu tất ứng." Đức Quan Thế Âm sở dĩ được tôn xưng với danh hiệu này là vì ngài là vị Bồ-tát luôn luôn ban bố niềm vui không sợ sệt (vô úy thí) cho tất cả chúng sanh đang chịu nhiều đau khổ trong đời, từ thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, cho đến nạn vua quan và giặc cướp, và thậm chí ngài còn là điểm tựa tinh thần cho quá trình chuyển hoá các tâm lý âm tính của con người thành các chất liệu đạo đức và tuệ giác, giúp cho người phàm phu trở thành thánh nhân.

Cũng cần lưu ý rằng bài kinh này mang ý nghĩa ẩn dụ rất cao, theo phong cách biểu đạt của các kinh điển Đại thừa. Do đó, người đọc kinh không nên chấp chữ quên ý. Đừng đơn thuần nghĩ rằng công thức "cầu gì được nấy" trong Kinh mang "nghĩa đen" chỉ cho tha lực của Bồ-tát như một vị thần linh ban phước cứu nguy, mà thật chất còn hàm chứa các biểu tượng triết lý ứng xử và tu tập rất độc đáo. Nói cách khác, yếu tố "Tha lực" của Bồ-tát Quan Thế Âm cũng như thái độ cầu nguyện van xin của người tín ngưỡng không phải là mục tiêu chính yếu của Kinh. Phương pháp tu tập quán chiếu (Quán) cuộc đời (Thế) mới chính là cốt lõi của Kinh. Nhờ quán chiếu cuộc đời theo phương thức duyên khởi và vô ngã, hành giả tự độ thoát chính mình khỏi các đau khổ đang hoành hành.

Ngoài ra, kinh này còn nói lên tình thương bao la của một vị bồ-tát qua phương pháp độ sanh với 33 ứng thân khác nhau, phù hợp với căn cơ và đối tượng của người tu tập. Hình ảnh 33 ứng thân gợi cho chúng ta tinh thần nhập thế đa dạng của vị Bồ-tát vì sự nghiệp duy nhất là đem lại an lạc và hạnh phúc cho chúng sanh. Triết lý ứng thân này còn cho thấy muốn độ sanh có hiệu quả, người hành đạo phải hiểu rõ tâm lý và hành vi của đối tượng. Hiểu biết căn tánh của chúng sanh là cách tốt nhất để thể hiện tính khế lý và khế cơ trong độ sanh của một vị bồ-tát nhập thế để cứu độ đời.

Cần nhấn mạnh rằng triết lý độ sanh trong kinh này mang tính ẩn dụ cao. Ở đây không có một vị bồ-tát Quán Thế Âm thật để cứu độ chúng ta theo phương thức cầu gì được nấy. Bởi vì điều này trái với nguyên lý nhân quả và nghiệp báo mà đức Phật đã giảng dạy. Sự cứu độ của kinh này là "pháp tu" Quán Thế Âm. Kinh giới thiệu đến năm loại âm thanh hiện hữu trong cuộc đời, đó là, tiếng nhiệm mầu (Diệu Âm), tiếng quán chiếu cuộc đời (Quán thế âm), tiếng thanh tịnh (Phạm âm), tiếng sóng vỗ (Hải triều âm) và tiếng siêu việt thế gian (Siêu việt thế gian âm).

Nếu tiếng nói của cuộc đời mang sắc thái của khổ đau, than vãn, thù hận, đố kỵ, tranh chấp, xung đột và thị phi, v.v... phản ánh các tầng số âm hưởng của tâm thấp kém thuộc về trần thế, thì năm âm thanh mà ngài Quán Thế Âm sử dụng giới thiệu tầng số sóng âm tâm linh cao cấp, chứa đựng chất liệu chuyển hoá tâm thức và thăng hoa đời sống con người và xã hội.

Tiếng nói của tình thương là tiếng nói mầu nhiệm (diệu âm), thiết lập tính nhân văn trong các quan hệ con người.

Quán chiếu âm thanh của cuộc đời (quan thế âm) để nắm bắt và đáp ứng được nhu cầu của con người và cuộc sống, theo đó, con người độ sanh sẽ dấn thân phục vụ nhân sinh đúng căn cơ và đối tượng. Đời sống đạo đức của con người tuệ giác sẽ trở thành lời nói bênh vực đời sống mô phạm và công chính. Nói cách khác, đời sống trong sạch sẽ thành lời tôn vinh đạo đức (phạm âm). Sự nhập thế và dấn thân mang lại hạnh phúc và an vui cho mọi người và cộng đồng chính là tiếng sóng vỗ (hải triều âm), xoá tan cái không khí ù lì, thụ động và tiêu cực. Tiếng nói của chân lý duyên sinh vô ngã là âm thanh làm khiếp sợ các học thuyết nhất nguyên và thần luận của cuộc đời (thắng bỉ thế gian âm). Năm loại âm thanh này chính là năm thái độ sống và ứng xử cần thiết cho thế giới hôm nay và mai sau.

Đối lại năm âm thanh này là năm pháp quán chiếu hay thiền định: quán chân thật (chân quán), quán thanh tịnh (thanh tịnh quán), quán trí tuệ rộng lớn (quảng đại trí tuệ quán), quán cứu khổ (bi quán) và quán ban tình thương (từ quán). Chính nhờ nương vào năm pháp quán chiếu này, hành giả tự giải thoát chính mình ra khỏi mọi khổ ách của cuộc đời.

Quán chân thật là quán bản chất của mọi sự vật hiện tượng theo nguyên lý duyên khởi, tùy thuộc, vô ngã và vô thường. Nhờ quán chiếu pháp này, hành giả thoát được các chấp mắc về ngã và pháp. Quán thanh tịnh nhằm giúp hành giả có cái nhìn lạc quan và tích cực về thế giới đau khổ này. Nói cách khác bản chất cuộc đời vốn không có nhơ và sạch. Do chấp mắc, chúng ta cho là nhơ uế. Phương pháp quán thanh tịnh nhằm giúp chúng ta xóa bỏ sự chấp mắc sai lạc trên. Quán trí tuệ rộng lớn là pháp quán rất cần thiết với mọi người. Ngoại diên của trí tuệ và

vô bờ bến. Do đó, ảnh hưởng của trí tuệ đối với cuộc sống của chúng ta cũng không có giới hạn. Nói cách khác, với hành trang của trí tuệ, cuộc hành trình của chúng sanh trong cõi ta-bà sẽ là cuộc hành trì đầy an lạc và hạnh phúc. Trí tuệ là đầu mối của sự giải thoát. Quán cứu khổ (bi quán) và quán ban vui (từ quán) là hai pháp quán thể hiện tình thương bao la, vô ngã và vị tha đối chúng sanh. Với pháp quán này, hành giả đã từng bước trở thành một vị bồ-tát cứu độ cho chính mình và cứu độ chúng sanh thoát khỏi đau khổ.

Nói rõ hơn, khi tu tập 5 pháp quán đó mỗi chúng ta là một bồ-tát Quán Thế Âm cứu chính chúng ta và tha nhân ra khỏi nhà lửa của khổ đau và bất hạnh.

***

Do đó, đọc tụng và thọ trì *Kinh Phổ Môn* không chỉ để được Bồ-tát Quan Thế Âm gia hộ, mà quan trọng hơn, chúng ta nên để tâm đến phương pháp "quán chiếu cuộc đời," và phương thức "sống không sợ hãi" của vị Bồ-tát nổi tiếng dung hoà và song hành giữa tình thương và trí tuệ, để an lạc và thảnh thơi của mình và tha nhân được thiết lập bây giờ và tại đây, một cách vững chải, lâu dài.

Xin hồi hướng công đức của bản dịch này đến với tất cả chúng sanh trong ba cõi và sáu đường. Nguyện cầu mọi người sống với cái nhìn quán chiếu tuệ giác, để an lành, hạnh phúc và hoà bình có mặt khắp nơi trên hành tinh này.

Ngày vía Bồ-tát Quan Thế Âm
19-2-Giáp Thân (10-3-04)
Thích Nhật Từ
kính ghi

1. NGUYỆN HƯƠNG

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật. O

Đốt nén tâm hương trước Phật đài,
Ngũ phần dâng trọn đức Như Lai,
Cầu xin nhân loại lên bờ giác,
Hạnh phúc bình an khắp muôn loài. O

Đệ tử chúng con, một dạ chí thành, quỳ trước điện Phật, thiết lễ cầu an, trì *kinh Phổ Môn*, nguyện tiêu tai chướng, nguyện giáng kiết tường. Ngưỡng nguyện đức Bồ-tát Quán Thế Âm gia hộ cho kẻ mù được thấy, kẻ điếc được nghe, người đau khổ được an vui. O

Lại nguyện chúng sanh: não phiền dứt sạch, xa lìa khổ ách, nghiệp chướng tiêu trừ, bốn mùa khoẻ mạnh, thân tâm an lạc, niềm tin vững chắc, phước thọ tăng long, mọi việc hanh thông, gia đình hưng thịnh, quyến thuộc khương ninh, pháp giới chúng sinh, cùng lên bờ giác. O

Nam-mô Hương Cúng Dường Bồ-tát (3 lần)O

2. ĐẢNH LỄ TAM BẢO

Phật là đấng giác ngộ mình,
Độ người thoát khỏi tử sinh bao đời,
Từ bi, trí tuệ rạng ngời,
Là thầy ba cõi trời người xưa nay. O

Chí tâm đảnh lễ tất cả Đức Phật ba đời thường trú trong mười phương. (1 lạy) O

Pháp là phương thuốc diệu thay,
Chữa lành bệnh khổ bao loài chúng sinh,
Như vầng trăng sáng lung linh,
Soi đường ra khỏi u minh mê mờ.

Chí tâm đảnh lễ tất cả Tôn Pháp ba đời thường trú trong mười phương. (1 lạy) O

Tăng là những bậc chân tu,
Biết đời huyễn mộng, giã từ ra đi,
Thấm nhuần trí tuệ, từ bi,
Độ đời thoát khỏi tham . . . si khổ sầu.

Chí tâm đảnh lễ tất cả Hiền Thánh Tăng ba đời thường trú trong mười phương.
(1 lạy) OOO

3. TÁN HƯƠNG

Lò hương vừa bén chiên đàn
Tỏa xông pháp giới đạo tràng mười phương
Hiện thành mây báu cát tường
Xin Phật chứng giám tâm hương chí thành
Pháp thân các Phật tịnh thanh
Chứng minh hương nguyện, phước lành
rưới ban.
Nam mô Hương Vân Cái Bồ-tát. (3 lần) OOO

4. PHÁT NGUYỆN TRÌ KINH

Lạy đấng Thầy ba cõi,
Quy mạng Phật mười phương.
Nay con phát nguyện lớn,
Thọ trì *Kinh Phổ Môn*,
Trên đền bốn ơn nặng,
Dưới cứu khổ ba đường.
Nguyện cho người thấy nghe
Đều phát tâm bồ-đề,
Sống an vui giải thoát. O
Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.
(3 lần) OOO

5. TÁN DƯƠNG GIÁO PHÁP

Pháp Phật cao siêu, lý rộng sâu,
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu,
Nay con gặp được xin trì tụng,
Nguyện hiểu chân kinh nghĩa nhiệm mầu.

Nam-mô Khai Pháp Tạng Bồ-tát (3 lần) O
Nam-mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ-tát. (3 lần) OOO

KINH PHỔ MÔN

DANH HIỆU QUAN ÂM

Tôi nghe như vầy: Bấy giờ trong hội Hoa Sen Chánh Pháp, có vị Bồ-tát hiệu Vô Tận Ý, cung kính chỉnh y, chắp tay thưa Phật: "*Bạch đức Thế Tôn, ngài Quán Thế Âm do nhân duyên gì được danh hiệu ấy*?"

Đức Phật liền dạy: Này các Bồ-tát, nếu có muôn ức các loài chúng sanh chịu nhiều khổ nạn, khi được nghe tên Bồ-tát Quán Âm, một lòng xưng danh, thọ trì miên mật, đều được giải thoát. O

NĂNG LỰC TRÌ DANH

Có người bất hạnh, lâm cảnh hoả hoạn, xưng niệm Quan Âm, nhờ sức oai thần, lửa chẳng cháy đặng.

Lại nếu có người bị nước cuốn trôi, xưng niệm Quan Âm, nhờ sức oai thần, liền đến chỗ cạn.

Nếu kẻ đi thuyền vì tìm châu báu: vàng,

bạc, mã não, hỗ phách, trân châu, xa cừ, lưu ly, san hô ngọc quý, lênh đênh biển lớn, bão táp dập dồn, rồi bị trôi dạt vào nước La-sát, thì nên thành tâm, trì niệm Quan Âm, nhờ sức oai thần, bình an vô sự. O

Lại nếu có kẻ sắp bị hãm hại bằng trượng dao gậy, thì nên thành tâm, trì niệm Quan Âm, lúc đó dao gậy liền gãy từng khúc, và được cứu thoát. Nếu bị La-sát hoặc quỷ Dạ-xoa, hãm hại thân ta, nên niệm Quan Âm, quỷ dữ không dám dùng mắt doạ người, huống là hãm hại.

Nếu như có người, do nghiệp hay tội, bị cảnh lao lung, xiềng xích gông cùm, trói buộc khắp thân, nhờ niệm Quan Âm, thoát cảnh tù đày, dứt hẳn hoạ tai. O

Nếu đoàn thương gia, trên đường hiểm trở, mang nhiều của báu, bị cướp tấn công, thì đừng hốt hoãng. Chỉ cần người biết khuyên các đồng nghiệp: “Hết lòng trì niệm, danh hiệu Quan Âm, vị Ban Vô Uý, cho nguồn hoan hỷ.” Thương buôn nghe

xong, trì niệm hết lòng: "Nam-mô Bồ-tát đức Quán Thế Âm." Nhờ sức oai thần, thoát khỏi tai nạn.

Này Vô Tận Ý, Bồ-tát Quan Âm có sức oai thần rộng sâu như biển, công đức hiển hiện, không thể nghĩ bàn, lợi lạc quần sanh. Vì thế các ông thường phải một lòng, trì danh Bồ-tát. O

Nếu có chúng sanh bản tánh tham lam, ngu si hờn giận, thường cung kính niệm Bồ-tát Quan Âm, thì tham sân si, thảy đều tan biến. Nếu có gia quyến cầu sanh con trai thì nên lễ lạy, thành khẩn trì danh Bồ-tát Quan Âm, liền sanh nam tử, phước đức đầy đủ, trí tuệ hơn người. Nếu cầu con gái, chí thành lễ bái Bồ-tát Quan Âm, thì sẽ hạ sanh hằng nga thục nữ, công hạnh đầy đủ, xinh đẹp đoan trang, mọi người thương mến. O

Sức thần Quan Âm nhiệm mầu như thế! Cung kính đảnh lễ, tán thán trì danh, công đức tăng nhanh, được nhiều phúc lợi. Ta khuyên mọi người trì danh Bồ-tát. O

BĂM BA ỨNG THÂN

Ngài Vô Tận Ý liền hỏi Phật rằng: "*Bạch đức Thế Tôn, trong cõi trần gian, Bồ-tát Quan Âm ứng dụng thế nào, phương tiện quyền xảo, hoằng pháp lợi sinh, giúp cho hữu tình thảy đều tỏ ngộ*?"

Này Vô Tận Ý: "Nếu có chúng sanh, đáng dùng Phật thân, để được độ thoát, chứng nên quả giác, thì Quán Thế Âm thị hiện Phật thân vì họ thuyết pháp." O

Tương tự như vậy, tuỳ theo căn tánh của các chúng sanh, Bồ-tát Quan Âm ứng hiện nhiều thân: như thân Thanh Văn, thân Bích-chi Phật, hoặc Trời Đế-thích, hoặc thân Phạm Vương, thân Tự Tại Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Thiên Đại Tướng Quân, hoặc Tỳ-sa-môn, tiểu vương, trưởng giả, tể quan, cư sĩ, hoặc Bà-la-môn, tín nữ, thiện nam, hoặc làm Tăng Ni, hoặc thân *phụ nữ của hàng trưởng giả, cư sĩ, tể quan, và bà-la-môn*, đồng nam đồng nữ, thậm chí hiện thân: trời, rồng, dạ-xoa, hoặc càn-thát-

bà, hoặc a-tu-la, hoặc ca-lâu-la, hoặc khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, thần Chấp Kim Cang, tất cả băm ba ứng thân sai khác, giúp người giải thoát, thì Quan Thế Âm sẵn sàng hoá thân, không chút quản ngại. O

Này Vô Tận Ý, Bồ-tát Quan Âm ứng hiện nhiều thân, cứu độ chúng sanh, khắp các cõi nước, không thể kể xiết. Vì thế các ông hãy nên một lòng, tán thán cúng dường Bồ-tát Quan Âm. O

BẬC BAN VÔ UÝ

Này Vô Tận Ý, ban niềm vô uý trong chốn khổ nạn, sợ hãi kinh hoàng, chính là hạnh nguyện của Quán Thế Âm, nên cõi Ta-bà còn gọi ngài là Đấng Thí Vô Uý. O

BÌNH ĐẲNG CÚNG DƯỜNG

Ngài Vô Tận Ý thưa đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, con xin cúng dường Bồ-tát Quan Âm." Nói xong ngài đem chuỗi ngọc như ý, tặng làm pháp thí, giá trị nghìn vàng, cúng Quan Thế Âm. Quan Âm bồ-tát, không chịu nhận chuỗi. Phật

liền dạy rõ về pháp cúng dường, khuyên Quán Thế Âm, hãy vì bốn chúng, tám bộ trời rồng, và Vô Tận Ý, nhận chuỗi pháp thí, lợi ích trời người.

Phật vừa dứt lời, Bồ-tát Quan Âm hoan hỷ đón nhận, chia làm hai phần, một phần dâng cúng đức Phật Thích-ca, còn lại phần kia, cúng tháp Đa Bảo. O

THI KỆ TRÙNG TUYÊN

Bấy giờ trong hội, ngài Vô Tận Ý, trùng tuyên tỉ mỉ, những điều vừa nghe, bằng lời thơ kệ:

Đức Thế Tôn tướng tốt,
Con xin được hỏi Người:
Vì sao có Bồ-tát
Hiệu là Quan Thế Âm? O

Phật chỉ dạy ân cần,
Hỡi này Vô Tận Ý,
Vì hạnh nguyện Quan Âm
Hiện thân khắp các cõi.

Lời thề sâu như biển,

Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn,
Theo hằng nghìn đức Phật,
Phát nguyện lớn thanh tịnh.

Ai thấy hình, nghe danh,
Tâm khơi nguồn tỉnh thức,
Thoát đau khổ tử sanh,
Nay Ta chỉ nói lược. O

Hoặc bị người độc thâm,
Xô vào hầm lửa lớn,
Niệm thần lực Quan Âm,
Hầm lửa biến hồ sen.

Hoặc trôi dạt biển lớn,
Gặp nạn quỷ, cá, rồng.
Niệm thần lực Quan Âm,
Sóng dữ không chìm đặng.

Hoặc từ đỉnh Tu-di,
Bị người xô rớt xuống,
Niệm thần lực Quan Âm,
Như mặt trời trên không. O

Hoặc bị người dữ rượt,
Rớt xuống núi Kim Cương,
Niệm thần lực Quan Âm
Chẳng tổn đến mảy lông.

Hoặc bị giặc vây hãm,
Cầm đao trượng sát hại,
Niệm thần lực Quan Âm,
Liền thoát khỏi nạn tai.

Hoặc bị nạn vua quan,
Hành hình đến sắp chết,
Niệm thần lực Quan Âm,
Kiếm đao gãy từng khúc. O

Hoặc ngục tù tội vương,
Tay chân bị xiềng xích,
Niệm thần lực Quan Âm,
Tự do, khỏi khổ ách.

Hoặc bị kẻ ác tâm,
Trù, ếm, phục thuốc độc,
Niệm thần lực Quan Âm,

Nhân ác theo kẻ ác.

Gặp La-sát bạo hung,
Rồng độc và quỷ đói,
Niệm thần lực Quan Âm,
Không loài nào dám hại. O

Bị thú dữ vây quanh,
Nanh vuốt đáng sợ hãi,
Niệm thần lực Quan Âm,
Chúng cúp đuôi bỏ chạy.

Bò cạp, rắn hổ mang,
Hơi độc phun thiêu đốt,
Niệm thần lực Quan Âm,
Nghe danh, đều lùi bước.

Sấm sét xé mây đen,
Mưa đá tuôn khắp chốn,
Niệm thần lực Quan Âm,
Tất cả liền tiêu tán. O

Bị tranh chấp, kiện tụng,
Hay chiến sự hãi hùng,

Niệm thần lực Quan Âm,
Oán thù liền lui tan.

Chúng sanh bị khổ nạn,
Thân chịu nhiều bức bách,
Sức trí diệu Quan Âm,
Cứu thế gian thoát khổ. O

Đầy đủ sức thần thông
Khéo tu pháp phương tiện,
Trong quốc độ mười phương,
Không cõi nào chẳng hiện.

Địa ngục, quỷ, súc sanh,
Khổ sinh, già, bệnh, chết,
Nhờ thần lực Quan Âm
Khổ đau đều chấm dứt. O

Quán Chơn, quán Thanh Tịnh,
Quán Trí Tuệ rộng lớn,
Bi quán và Từ quán,
Thường cầu, thường chiêm ngưỡng.

"Thanh tịnh" nên không nhơ,

"Trí tuệ" phá tà ám,
Điều phục nạn gió lửa,
Soi sáng khắp thế gian. O

"Tâm bi" như sấm nổ,
"Lòng từ" tợ mây lành,
Mưa tuông pháp cam-lộ,
Dập tắt lửa não phiền.

"Tiếng Diệu," "tiếng Quan Âm,"
"Tiếng Phạm," "tiếng Hải Triều,"
"Tiếng hơn Tiếng Thế Gian,"
Hãy thường xuyên quán chiếu. O

Mỗi niệm chớ sanh nghi,
Quan Âm bậc Tịnh Thánh,
Ngài là nơi quy y
Trong chết, sầu, khổ nạn.

Ngài đủ các công đức,
Mắt thương nhìn chúng sanh,
Ngài chính là biển phước,
Nên đảnh lễ chí thành. O

CÔNG ĐỨC NGHE KINH

Bấy giờ trong Hội, có vị Bồ-tát, tên là Trì Địa, chắp tay thưa Phật: "Bạch đức Thế Tôn, nếu có chúng sanh, nghe được đạo nghiệp, cũng như công đức và các hiện thân của ngài Quan Âm, thì phải biết rằng phước của người ấy chẳng phải là ít." O

Khi nghe Phật nói phẩm Phổ Môn này, tám mươi bốn ngàn các loài chúng sanh, thảy đều phát tâm Vô Thượng Chánh Giác.

Nam-mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ-tát (3 lần) OOO

KỆ TÁN QUAN ÂM

Quan Âm đại sĩ,
Đức hiệu Viên Thông.
Mười hai nguyện lớn,
Phát khởi từ tâm.
Tầm thanh cứu khổ,
Chốn chốn hiện thân.
Vân du các cõi,
Cứu thoát trầm luân.

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (3 lần) OOO

8. KINH TINH HOA TRÍ TUỆ

Quán Tự Tại thực hành trí tuệ,
Bát-nhã ba-la-mật sáng ngời,
Bấy giờ Bồ-tát quán soi,
Thấy rằng năm uẩn ba đời đều không. O
Vượt tất cả các vòng khổ ách,
Hãy nghe này, Xá-lợi-phất ông!
Sắc nào có khác gì không,
Không nào khác sắc, sắc không vốn đồng. O
Cả thọ, tưởng, thức, hành cũng thế.
Tánh chân không các pháp viên thành,
Thảy đều chẳng diệt, chẳng sanh,
Chẳng nhơ, chẳng sạch, chẳng tăng giảm gì. O
Trong chân không chẳng hề có sắc.
Chẳng thọ, tưởng, hành, thức trong không.
Mắt, tai, mũi, lưỡi, ý, thân,
Sắc, thanh, vị, xúc, pháp, hương không còn. O
Không nhãn thức đến không ý thức,
Không vô minh hoặc hết-vô-minh,
Không điều già chết chúng sanh,
Hết già, hết chết thực tình cũng không.

Không trí huệ cũng không chứng đắc,
Bởi có gì là chỗ đắc đâu.
Bấy lâu Bồ-tát dựa vào
Trí ba-la-mật thẳm sâu thực hành,
Mọi chướng ngại quanh mình tan biến,
Mọi việc đều chẳng khiến hoảng kinh,
Xa lìa mộng tưởng đảo điên,
Niết-bàn rốt ráo an nhiên thanh nhàn. O
Bát-nhã ấy rõ ràng trí tuệ,
Mà ba đời chư Phật nương vào,
Chứng thành quả giác tối cao,
Nên xem Bát-nhã thâm sâu đó là: O
Lời thần chú sâu xa bậc nhứt,
Lời chú thần rất mực quang minh,
Chú thần cao cả anh linh,
Là lời thần chú thật tình cao siêu.
Trừ dứt được mọi điều đau khổ,
Đúng như vầy muôn thuở không sai.
Ngài liền tuyên nói chú này,
Để người trì niệm sáng bày chơn tâm: O

Ga-tê ga-tê pa-ra-ga-tê pa-ra-săn-ga-tê bô-dhi sva-ha. (3 lần) OOO

8. NIỆM BỒ-TÁT

Trí tuệ bừng lên đoá biện tài,
Đứng yên trên sóng sạch trần ai.
Cam lộ chữa lành cơn khổ bệnh,
Hào quang quét sạch buổi nguy tai.
Liễu biếc phất bày muôn thế giới,
Sen hồng nở hé vạn lâu đài.
Cúi đầu ca ngợi dâng hương thỉnh,
Xin nguyện từ bi ứng hiện ngay. O

Nam-mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Linh Cảm Ứng Quán Thế Âm Bồ-tát. O
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (18 lần) O
Nam-mô Đại Trí Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát (3 lần) O
Nam-mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát (3 lần) O
Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát (3 lần) O
Nam-mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ-tát (3 lần) O
Nam-mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát. (3 lần) OOO

9. **MƯỜI HAI LỜI NGUYỆN**

Nguyện thứ nhất, khi hành Bồ-tát,
Danh hiệu tôi: Tự Tại Quan Âm,
Viên Thông, thanh tịnh căn trần,
Nơi nào đau khổ, tầm thanh cứu liền.
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy) O

Nguyện thứ hai, không nài gian khổ,
Quyết một lòng cứu độ chúng sinh.
Luôn luôn thị hiện biển đông,
Vớt người chìm đắm, khi dông gió nhiều.
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy) O

Nguyện thứ ba, Ta-bà ứng hiện,
Chốn U minh nhiều chuyện khổ đau,
Oan gia tương báo hại nhau,
Nghe tiếng than thở, mau mau cứu liền.
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy) O

Nguyện thứ tư, hay trừ yêu quái,
Bao nhiêu loài ma quỷ gớm ghê,
Độ cho chúng hết u mê,
Dứt trừ nguy hiểm, không hề nhiễu nhương.
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy) O

Nguyện thứ năm, tay cầm Dương liễu,
Nước cam lồ rưới mát nhân thiên.
Chúng sanh điên đảo, đảo điên,
An vui, mát mẻ, ưu phiền tiêu tan.
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy) O

Nguyện thứ sáu, thường hành bình đẳng,
Lòng từ bi thương xót chúng sanh,
Hỷ xả tất cả lỗi lầm,
Không còn phân biệt sơ thân mọi loài.
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy) O

Nguyện thứ bảy, dứt ba đường dữ,
Chốn ngục hình, ngạ quỷ, súc sanh,
Cọp beo, thú dữ vây quanh,
Quan Âm thị hiện, chúng sanh thoát nàn.
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy) O

Nguyện thứ tám, tội nhân bị trói,
Bị hành hình rồi lại khảo tra,
Thành tâm lễ bái thiết tha,
Quan Âm phù hộ, thoát ra nhẹ nhàng.
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy) O

Nguyện thứ chín, làm thuyền cứu vớt,
Giúp cho người vượt khúc lênh đênh,
Bốn bề biển khổ chông chênh,
Quan Âm độ hết, an nhiên niết-bàn
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy) O

Nguyện thứ mười, Tây Phương tiếp dẫn,
Vòng hoa thơm, kỷ nhạc, lộng tàn,
Tràng phang, bảo cái trang hoàng,
Quan Âm cứu độ, đưa đường về Tây.
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy) O

Nguyện mười một, Di-đà thọ ký,
Cảnh Tây Phương, tuổi thọ không lường,
Chúng sanh muốn sống miên trường,
Quan Âm nhớ niệm, Tây Phương mau về.
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy) O

Nguyện mười hai, tu hành tinh tấn,
Dù thân này tan nát cũng đành,
Thành tâm nỗ lực thực hành,
Mười hai câu nguyện độ sanh đời đời.

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy) OOO

10. a) NĂM ĐIỀU QUÁN TƯỞNG

(Hoặc đọc bài Quán Chiếu Thực tại)

Thế Tôn lời dạy tỏ tường
Năm điều quán tưởng phải thường xét ra:
Ta đây phải có sự già,
Thế nào tránh khỏi lúc qua canh tàn. O
Ta đây bệnh tật phải mang,
Thế nào tránh khỏi đặng an, mạnh lành.
Ta đây sự chết sẵn dành,
Thế nào tránh khỏi tử sanh đến kỳ.
Ta đây phải chịu phân ly,
Nhơn vật quí mến ta đi biệt mà.
Ta đi với nghiệp của ta,
Dù cho tốt xấu tạo ra tự mình,
Theo ta như bóng theo hình,
Ta thọ quả báo phân minh kiết tường. O

10. b) QUÁN CHIẾU THỰC TẠI

Không truy tìm quá khứ,
Không ước vọng tương lai.
Quá khứ đã qua rồi,
Tương lai lại chưa đến.

Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính là đây.
Không động, không lung lay.
Hãy thực hành như thế! O
Không một ai biết trước
Cái chết đến lúc nào;
Tử thần có đợi đâu,
Làm sao điều đình được.
Vì thế nên nỗ lực,
Tinh tấn suốt đêm ngày,
Tỉnh thức từng phút giây,
An trụ bằng chánh niệm.
Như vậy mới xứng đáng
Người biết sống một mình,
Người ấy đã tôn vinh
Đạo nhiệm mầu vô thượng. O

11. a) SÁM QUY NGUYỆN

Trầm hương xông ngát điện,
Sen nở Phật hiện thân,
Pháp giới thành thanh tịnh,
Chúng sanh lắng nghiệp trần.
Đệ tử tâm thành

Hướng về Tam Bảo: O
Phật là thầy chỉ đạo,
Bậc tỉnh thức vẹn toàn,
Tướng tốt đoan trang,
Trí và bi viên mãn.
Pháp là con đường sáng,
Dẫn người thoát cõi mê,
Đưa con trở về
Sống cuộc đời tỉnh thức.
Tăng là đoàn thể đẹp
Cùng đi trên đường vui,
Tu tập giải thoát,
Làm an lạc cuộc đời. O
Đệ tử nương nhờ Tam Bảo,
Trên con đường học đạo,
Biết Tam Bảo của tự tâm.
Nguyện xin chuyên cần,
Làm sáng lòng ba viên ngọc quý.
Nguyện theo hơi thở,
Nở nụ cười tươi.
Nguyện học nhìn cuộc đời,
Bằng con mắt quán chiếu.

Nguyện xin tìm hiểu
Nỗi khổ của mọi loài.
Tập từ bi, hành hỷ xả,
Sáng cho người thêm niềm vui,
Chiều giúp người bớt khổ. O
Đệ tử nguyện sống đời thiểu dục,
Nếp sống lành mạnh an hòa,
Cho thân thể kiện khương.
Nguyện rủ bỏ âu lo,
Học tha thứ bao dung,
Cho tâm tư nhẹ nhõm.
Đệ tử xin nguyện ơn sâu đền báo: O
Ơn cha mẹ, ơn thầy,
Ơn bè bạn, chúng sanh,
Nguyện tu học tinh chuyên
Cho cây bi trí nở hoa.
Mong một ngày kia,
Có khả năng cứu độ mọi loài,
Vượt ra ngoài cõi khổ,
Xin nguyện Phật Pháp Tăng chứng minh,
Gia hộ cho đệ tử chúng con
Viên thành đại nguyện. OOO

11. b) SÁM CẦU AN

Con quỳ lạy Phật chứng minh,
Với lòng thành kính tụng kinh cầu nguyền.
Cầu cho tín chủ hiện tiền,
Nội gia quyến thuộc bình yên điều hoà.
Thọ trường hưởng phước nhàn ca,
Phổ Môn Kinh tụng trong nhà thảnh thơi.
Quan Âm phù hộ an vui,
Mười hai lời nguyện độ đời nên danh. O
Thiện nam tín nữ lòng thành,
Ăn chay niệm Phật làm lành vái van.
Quan Âm xem xét thế gian,
Rước người chìm nổi mười phương phiêu trầm
Mau mau niệm đức Quan Âm,
Tai qua nạn khỏi định tâm sáng loà.
Đương cơn lửa cháy đốt ta,
Niệm danh Bồ-tát hoá ra sen vàng. O
Gió đông đi biển chìm thuyền,
Niệm danh Bồ-tát sóng tan hết liền.
Tà ma quỷ quái khùng điên,

Niệm danh Bồ-tát bình yên thoát nàn.
Vào rừng cọp rắn nghinh ngang,
Niệm danh Bồ-tát chúng liền tránh xa.
Tội tù ngục tối khảo tra,
Quan Âm tưởng niệm, thoát ra nhẹ nhàng.O
Bị trù bị ếm mê man,
Quan Âm niệm niệm vái van tịnh bình.
Quan Âm thọ ký làm tin,
Tuỳ duyên thuyết pháp, độ mình hết mê.
Nương theo Bồ-tát trở về,
Thấy mình ngồi gốc Bồ-đề giống in.
Tay cầm bầu nước tịnh bình,
Tay cầm nhành liễu quang minh thân vàng.
Cam lồ rưới khắp thế gian,
Tốt tươi mát mẻ mười phương thanh nhàn.
Quan Âm cứu hết tai nàn,
Độ đời an lạc mười phương thái bình.
Quan Âm điểm đạo độ mình,
Quan Âm Bồ-tát chứng minh độ đời. O

12. HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Tụng kinh tu tập, phước tăng,
Xin đem hồi hướng xa gần, khắp nơi.
Nguyện cho tất cả trời người,
Đều vào cõi Phật, sáng ngời chân tâm. O

Nguyện trừ ba chướng trầm luân,
Sống trong trí tuệ, tịnh thanh cõi lòng.
Nguyện cho tội nghiệp tiêu mòn,
Noi theo Bồ-tát làm tròn tấm gương. O

Nguyện sanh cõi tịnh Tây phương,
Mẹ cha chín phẩm sen vàng nêu danh,
Hoa cười, chứng ngộ vô sanh,
Cùng hàng Bồ-tát đồng hành tâm linh. O

Nguyện đem công đức tạo thành,
Hướng về tất cả chúng sanh mọi loài,
Rải ban hạnh phúc muôn nơi,
Giúp người giác ngộ, an vui đạo mầu.
(3 xá) OOO

13. PHỤC NGUYỆN

Đức Quan Âm cứu khổ,
Với hạnh nguyện ban vui.
Băm hai thân độ đời,
Bằng tình thương cao cả.
Tự tại từng ý niệm,
Viên thông giữa các căn.
Tuệ giác khế lý ứng cơ,
Quán chiếu cứu sanh tiếp vật. O
Độ tai qua nạn khỏi,
Giúp tật bệnh tiêu trừ.
Phước lộc thọ đủ đầy,
Giới định tuệ viên mãn. O
Bốn loài lên đất Tịnh,
Ba cõi thác toà Sen.
Ngạ quỹ chứng Tam Hiền,
Hữu tình lên Thập Địa.
Pháp môn xin nguyện học,
Ân nghĩa xin nguyện đền,
Phiền não xin nguyện đoạn,
Quả Phật xin nguyện thành. O

Nam-mô Thường Trụ Tam Bảo. (3 xá) OOO

14. ĐẢNH LỄ BA NGÔI BÁU

Con xin nương tựa Phật,
Bậc Phước Trí Viên Thành,
Cầu tất cả chúng sanh
Giác ngộ, phát tâm lành. (1 lạy) O

Con xin nương tựa Pháp,
Nguồn tuệ giác, từ bi,
Cầu tất cả chúng sanh
Hiểu đạo, tỏ nguồn tâm. (1 lạy) O

Con xin nương tựa Tăng,
Đoàn thể sống an vui,
Cầu tất cả chúng sanh
Hòa hợp, thương mến nhau. (1 lạy) O

MƯỜI CÔNG ĐỨC ẤN TỐNG KINH

Một là, những tội lỗi đã gây ra từ trước đến nay được tiêu trừ; nếu như đã mang những nghiệp duyên nặng nề thì sẽ được chuyển hoá thành nhẹ nhàng.

Hai là, thường được các thiện Thần ủng hộ, tránh được các tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm cướp, đao binh, tù ngục…

Ba là, vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo đau khổ, oán cừu oan trái của nhiều đời và hiện tại.

Bốn là, Long Thiên Hộ Pháp thường gia hộ nên những loài Dạ-xoa, ác quỷ, rắn độc, hùm beo đều tránh xa, không dám nhiễu hại.

Năm là, thân và tâm luôn được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng, diện mạo hiền sáng, mạnh khoẻ, an lành, việc làm thuận lợi, kết quả tốt đẹp.

Sáu là, tâm không mong cầu phước báu giàu sang, nhưng tự nhiên cơm ăn áo mặc được đầy đủ, gia đình trên thuận dưới hoà, con cháu đời đời hưởng lộc.

Bảy là, lời nói cho đến việc làm đều khiến mọi người đều sinh tâm vui vẻ, đi đến đâu cũng được mọi người chào đón niềm nở, kính mến, khen ngợi và tin tưởng.

Tám là, nếu mắc phải những chứng bệnh mê muội thì sẽ được trở nên thông minh lanh lợi, thân thể luôn được cường tráng khoẻ mạnh, nếu phải ở những nơi thâm sơn biên địa, thì những nơi ấy cũng trở nên thịnh vượng, sung túc. Tâm thức luôn hướng về chánh đạo, sau khi mạng chung sẽ được sinh thiên.

Chín là, khi tái sinh nếu là nam thì sẽ trở thành vương tôn công tử, nếu là nữ thì sẽ trở thành thiện mỹ nhân, tướng mạo đoan trang, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.

Mười là, thương tất cả chúng sinh như thân bằng quến thuộc, vì chúng sinh mà gieo trồng tất cả căn lành. Nhờ công đức ấy mà thường gặp được các Đức Phật, nghe pháp, siêng năng tu tập, cuối cùng được thành Phật quả.

Ấn Quang Tổ Sư dạy: Ấn tống kinh được vô lượng công đức như vậy, nên vào những dịp chúc thọ, thành hôn, cầu phước, cầu tiêu trừ tật bệnh, cầu siêu độ hương linh… hãy tinh tấn phát tâm bồ-đề, ấn tống kinh điển, để gieo trồng cội phước cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.